

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 479/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1423/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: 113 đường Đ, tổ 10, ấp L, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Hoàng N, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: 93A đường 716, ấp R, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 14/11/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M trình bày:

Bà và ông Ngô Hoàng N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/2004. Thời gian

đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Ông N không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho con, say xỉn, chửi bà và các con, đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà. Ông N không đóng góp nhiều về tài chính cho gia đình. Mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà lo liệu. Vợ chồng bà ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Bà và hai con đã về nhà mẹ ruột bà sinh sống. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn với ông Ngô Hoàng N.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Ngô Lê Thúy Q, sinh ngày 22/01/2006 (đã thành niên) và Ngô Lê Gia S, sinh ngày 20/02/2014. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Ngô Lê Gia S. Bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn ông Ngô Hoàng N vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị Tuyết M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Ngô Hoàng N hiện đang cư trú tại 93A đường 716, ấp R, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Ngô Hoàng N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Tuyết M và ông Ngô Hoàng N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/2004.

Xét lời trình bày của bà M thì sau kết hôn giữa bà và ông N đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống. Vợ chồng bà thường cãi nhau. Ông N không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho vợ con, say xỉn, chửi bà và các con, đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà. Vợ chồng bà ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Ngô Hoàng N.

Ông N đã được Tòa án triệu tập nhưng ông không đến tòa. Ông N cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông N là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà M và ông N có 02 (hai) con chung tên Ngô Lê Thúy Q, sinh ngày 22/01/2006 (đã thành niên) và Ngô Lê Gia S, sinh ngày 20/02/2014. Bà M yêu cầu nuôi trẻ Ngô Lê Gia S. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ S hiện đang sống cùng bà M, trẻ S có nguyện vọng sống chung với mẹ. Để ổn định tâm lý cho trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên giao con chung Ngô Lê Gia S cho bà Lê Thị Tuyết M nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà M tạm thời không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Ông Ngô Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa. Nếu ông N có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Tuyết M phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tuyết M là được ly hôn với ông Ngô Hoàng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/2004 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Bà Lê Thị Tuyết M và ông Ngô Hoàng N có 02 (hai) con chung tên Ngô Lê Thúy Q, sinh ngày 22/01/2006 (đã thành niên) và Ngô Lê Gia S, sinh ngày 20/02/2014.

Giao trẻ Ngô Lê Gia S, sinh ngày 20/02/2014 cho bà Lê Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị Tuyết M phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0018863 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;  
- VKSND huyện Củ Chi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**Nguyễn Hồng Thủy**